TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNST
Ngày: 16/5/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN-TP.CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh

2.Ông Trương Sô Huy

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn:*** Chị **Tạ Thị H**, trú tại khu vực S, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ, có mặt.

-***Bị đơn:*** Anh **Ngô Nguyễn Thanh N**; trú tại khu vực S, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bị đơn thống nhất khai:

Chị H và anh N là vợ chồng chung sống từ năm 2008, hôn nhân của anh chị là do mai mối nhưng anh chị tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới Long vào ngày 07/11/2008.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm nên thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, theo chị H là do anh N có người phụ nữ bên ngoài không chăm lo cho gia đình, chị đã cùng

cố gắng xây dựng gia đình, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn; còn anh Nhàn thì cho rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không lớn, hiện anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Xét thấy hôn nhân không đạt, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị H làm đơn xin ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H yêu cầu ly hôn với anh N. Anh N thì không đồng ý vì giữa anh chị không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên nếu chị H không còn tình cảm với anh, cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên: Ngô Quốc B (Nam), sinh ngày: 12/5/2010, hiện đang sống chung với chị H.

Chị H yêu cầu khi ly hôn được nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N cũng yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị xác định không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Trước phiên tòa:

-Chị H vẫn giữ yêu cầu được ly hôn, được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung, tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, còn về nợ chung thì không có.

-Anh N không đồng ý ly hôn, vì còn thương H vợ con; về con chung, nếu trường hợp giải quyết ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung, tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, còn về nợ chung thì không có.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Tạ Thị H và anh Ngô Nguyễn Thanh N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới Long, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ vào ngày 07/11/2008, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống chị H, anh N có phát sinh mâu thuẫn và chị H có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]*Về quan hệ hôn nhân*: Xét chị H và anh N chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2008. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm đầu năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm sống, bất hòa về tình cảm nên thường xuyên cự cãi. Cả hai đã nhiều lần cố gắng hòa hợp để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm lo cho con nhưng không đạt được. Từ tháng 01 năm 2018 anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn, còn anh N thì cho rằng anh còn thương vợ con, muốn vợ chồng được đoàn tụ, nhưng kể từ khi mâu thuẫn xảy ra đến nay anh không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình mà trái lại tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Điều đó chứng minh mẫu thuẫn vợ chồng anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Đối chiếu theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc ly hôn theo yêu cầu của chị H là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị.

[3]*Về con chung*: Chị H, anh N có 01 con chung tên Ngô Quốc B (Nam), sinh ngày 12/5/2010 và cả hai đều có yêu cầu được nuôi con. Hiện nay cháu B còn nhỏ, nên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt quyền lợi của con. Xét thấy, cháu B hiện do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng đã đảm bảo tốt về mọi mặt và thực tế nguyện vọng của cháu muốn sống chung với chị H, vì vậy thấy rằng nên giữ ổn định cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B đến trưởng thành là phù hợp. Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở thực hiện quyền này.

[4]*Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị H không yêu cầu, đây là sự tự nguyện của chị sự nên không cần đặt ra xem xét.

[5]*Về tài sản chung:* Chị H và anh N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6]*Về nợ chung:* Chị H và anh N xác định không có, nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[7]*Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thị H.

-*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Tạ Thị H được ly hôn với anh Ngô Nguyễn Thanh N.

-*Về con chung:* Giao cháu Ngô Quốc B (Nam), sinh ngày 12/5/2010 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

-*Về tài sản chung:* Chị H và anh N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

-*Về nợ chung:* Chị H và anh N xác định không có, nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

-*Về án phí:* Nguyên đơn chị Tạ Thị H phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 001836 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí.

-*Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND TP/CT;
-VKSND – Q.Ô Môn;
-Chi cục THADS- Q.Ô Môn;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Phi Hùng